

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2021/DS-ST

Ngày: 26 - 8 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964, bà Trần Thị M, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số nhà X, thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Trần Thị M. (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Tên gọi khác: Trương Thị X).

Địa chỉ: Số nhà Y, thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2020, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và đồng thời là nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:*

Ngày 31/12/2017, vợ chồng tôi có cho vợ chồng ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (tên gọi khác: Trương Thị X) vay số tiền 115.600.000đồng, các bên thỏa thuận tiền lãi được tính 1%/tháng và phương thức trả góp mỗi ngày 60.000đồng tương đương mỗi tháng là 1.800.000đồng. Nếu ngày hôm đó không góp trả thì ngày hôm sau sẽ góp bù cả ngày hôm trước, ngày tính trả góp bắt đầu tính từ ngày 01/01/2018 dương lịch. Quá trình thực hiện cam kết trả nợ vợ chồng ông D, bà Đ (bà X) mới thực hiện nghĩa vụ trả gốc được 02 tháng (tháng 1 và 2) năm

2018 với số tiền gốc là 3.600.000đồng, sau đó ông bà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho vợ chồng tôi như đã thỏa thuận tại giấy ghi nợ, vợ chồng tôi đã nhiều lần đến nhà vợ chồng ông D, bà Đ (bà X) đòi nợ nhưng ông bà vẫn không trả nợ cho vợ chồng tôi bất cứ khoản tiền nào thêm.

Vì vậy, nay vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (tên gọi khác là Trương Thị X) phải trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc còn lại là 112.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất thỏa thuận 1%/tháng tính từ ngày vay ngày 31/12/2017 đến ngày khởi kiện là 08/12/2020 với số tiền là 39.272.000đồng.

** Theo bản lấy lời khai ngày 03/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Đ trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết cùng buôn bán ở chợ H, xã E nên vào năm 2017 tôi có chơi huê với bà Trần Thị M. Vì có công việc gia đình nên tôi mới hốt huê trước và vợ chồng tôi có viết, ký giấy ghi nợ của bà M vào ngày 31/12/2017, với tổng số tiền gốc 115.600.000đồng và thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, về thời hạn trả theo hình thức đóng tiền mỗi ngày là 60.000đồng, sau khi vay vợ chồng tôi đã trả cho bà Trần Thị M được 02 tháng với tổng số tiền 3.600.000đồng và các tháng tiếp theo tính từ ngày 01/3/2018 vợ chồng tôi tiếp tục đóng tiền gốc cho bà M mỗi ngày 80.000đồng cho đến ngày 02/8/2020 mới ngừng đóng tiền. Việc vợ chồng tôi đóng tiền cho bà M thì bà M tự ghi vào sổ của bà M, bà M không cho vợ chồng tôi ký vào sổ sau mỗi lần đóng tiền, bà M cũng không ghi biên nhận gì cho vợ chồng tôi. Nay vợ chồng bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền gốc 112.000.000đồng và số tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày vay đến ngày khởi kiện với số tiền là 39.272.000đồng thì nguyện vọng của tôi đề nghị bà M trừ đi số tiền gốc mà vợ chồng tôi đã trả cho bà M, còn lại vợ chồng tôi sẽ trả dần, về tiền lãi tính từ ngày vay cho đến nay vợ chồng tôi chưa trả được khoản tiền nào, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị vợ chồng bà M không tính tiền lãi đối với vợ chồng tôi.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng D trình bày:*

Tôi là chồng của bà Trương Thị Đ (tên gọi khác là Trương Thị X), về nguồn gốc số tiền mà vợ chồng bà M khởi kiện thì trước đây vợ tôi có chơi huê với bà Trần Thị M, có hốt huê của bà M nhiều lần với số tiền khi ít, khi nhiều rồi tổng cộng lại vào ngày 31/12/2017 bà M chốt lại vợ chồng tôi nợ bà M tổng số tiền gốc 115.600.000đồng và thỏa thuận thời hạn trả mỗi ngày 60.000đồng, lãi suất 1%/tháng. Sau khi ký giấy ghi nợ thì vợ chồng tôi đã trả cho bà M được 02 tháng (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/02/2018) với số tiền 3.600.000đồng. Do hoàn gia đình khó khăn thì vợ chồng tôi có xin tiền lãi bà M, bà M đồng ý với điều kiện vợ chồng tôi trả mỗi ngày cho bà M 80.000đồng và vợ chồng tôi cũng đồng ý trả bà M 80.000 đồng như đã thỏa thuận, ngày trả tính từ ngày 01/3/2018 cho đến ngày 02/8/2020 thì vợ chồng tôi không tiếp tục trả cho bà M nữa, lý do không trả tiếp là bà M không cho vợ chồng tôi ký vào mặt sau giấy ghi nợ ngày 31/12/2017 sau mỗi lần trả 80.000đồng cho nên vợ chồng tôi không tiếp tục trả tiền cho bà M nữa. Như vậy, ngoài số tiền 3.600.000đồng thì vợ chồng tôi đã trả cho bà M thêm số tiền 80.000đồng tính từ ngày 01/3/2020 đến 02/8/2020. Đề nghị bà M cản trừ nợ cho vợ chồng tôi, về tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền

trả mỗi ngày 80.000đồng cho bà M thì vợ chồng tôi không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, do bà M ghi vào sổ của bà M mỗi lần vợ chồng tôi trả tiền.

Các bên đương sự đều vắng mặt nên không tiến hành tranh luận được.

*** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk:**

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M; buộc ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (tên gọi khác Trương Thị X) phải trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M số tiền gốc 112.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 39.272.000đồng.

+ Về án phí: Buộc ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn và đồng thời là đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (tên gọi khác là Trương Thị X) phải trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M số tiền gốc 112.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày vay đến ngày khởi kiện 08/12/2020 là 39.272.000đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) cư trú tại số nhà Y, thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về số tiền các bên giao dịch: Bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) đều thừa nhận có viết, ký vào Giấy ghi nợ của ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M số tiền gốc 115.600.000 đồng vào ngày 31/12/2017. Như vậy, việc ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) vay tiền của ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M là có thật.

[2.2]. Xét ý kiến của bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) cho rằng: Sau khi ghi và ký giấy ghi nợ ngày 31/12/2017 thì vợ chồng ông bà đã trả cho bà M được 3.600.000đồng như đã thỏa thuận mỗi ngày 60.000đồng, sau đó gia đình ông bà khó khăn về kinh tế xin lãi bà M thì được bà M đồng ý nhưng vợ chồng ông bà mỗi ngày phải trả cho bà M số tiền 80.000đồng và vợ chồng ông bà đã trả cho bà M tính từ ngày 01/3/2018 đến ngày 02/8/2020, vì bà M không cho vợ chồng ông bà ký vào giấy ghi nợ sau mỗi lần trả số tiền 80.000đồng cho nên vợ chồng ông bà không tiếp tục trả tiền cho bà M nữa, nay vợ chồng bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông bà phải trả cho vợ chồng bà M số tiền gốc còn lại là 112.000.000đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày khởi kiện thì vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng bà M số tiền còn lại là 112.000.000đồng trừ đi số tiền mà vợ chồng ông bà đã trả mỗi ngày 80.000đồng tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày 02/8/2020; Tuy nhiên, về tài liệu chứng cứ chứng minh khoản tiền mỗi ngày trả 80.000đồng mà gia đình ông bà đã trả cho gia đình bà Trần Thị M thì không có. Vì vậy, xét thấy bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời nguyên đơn bà Trần Thị M cũng không thừa nhận vợ chồng ông D, bà Đ trả số tiền này cho nên không có căn cứ chấp nhận đối với ý kiến của bị đơn ông D, bà Đ cho rằng đã trả mỗi ngày 80.000đồng tính từ ngày 01/3/2018 đến ngày 02/8/2020 cho nguyên đơn vợ chồng bà M.

[2.3]. Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M:

[2.3.1]. Xét yêu cầu trả tiền gốc:

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M yêu cầu ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) phải trả cho ông bà số tiền gốc còn lại là 112.000.000đồng và để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy ghi nợ ngày 31/12/2017 đều có chữ viết, ký của ông Hoàng D, bà Trương Thị X (Tên thường gọi Trương Thị Đ) là bên mượn tiền nhận nợ.

Xét giấy ghi nhận nợ ngày 31/12/2017 đều được các bên đương sự thừa nhận có chữ ký của người mượn tiền với số tiền 115.600.000đồng và bị đơn đã trả được 3.600.000đồng tiền gốc như đã cam kết; còn đối với số tiền mà bị đơn cho rằng đã trả mỗi ngày 80.000đồng tính từ ngày 01/3/2018 đến ngày 02/8/2020 thì không có căn cứ để chấp nhận như đã phân tích ở mục [2.2] nêu trên. Như vậy, việc ký mượn tiền của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ

năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự cho nên giao dịch mượn tiền ghi nhận nợ ngày 31/12/2017 mà vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M cho vợ chồng ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật, đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; việc ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) không trả nợ cho ông S, bà M như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M, buộc bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) phải trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M số tiền 112.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

[2.3.2]. Xét yêu cầu trả tiền lãi: Các bên đương sự đều thừa nhận lãi suất của khoản vay 1%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 31/12/2017 cho đến ngày khởi kiện ngày 08/12/2020, với số tiền lãi là 39.272.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4]. Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) phải trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M tổng số tiền là: 151.272.000 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là: 112.000.000 đồng và tiền lãi là: 39.272.000 đồng) là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 151.272.000 đồng x 5% = 7.563.600 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M (Bà Trần Thị M nộp) số tiền 3.780.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0014861 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M.

- Buộc bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) phải trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M số tiền là: 151.272.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là: 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng) và tiền lãi là: 39.272.000 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

Bị đơn ông Hoàng D, bà Trương Thị Đ (Trương Thị X) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.563.000đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị M (Bà Trần Thị M nộp) số tiền 3.780.000đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0014861 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện Krông Ana;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Thành